CHÍNH DIỆN CẦU

TL: 1/100

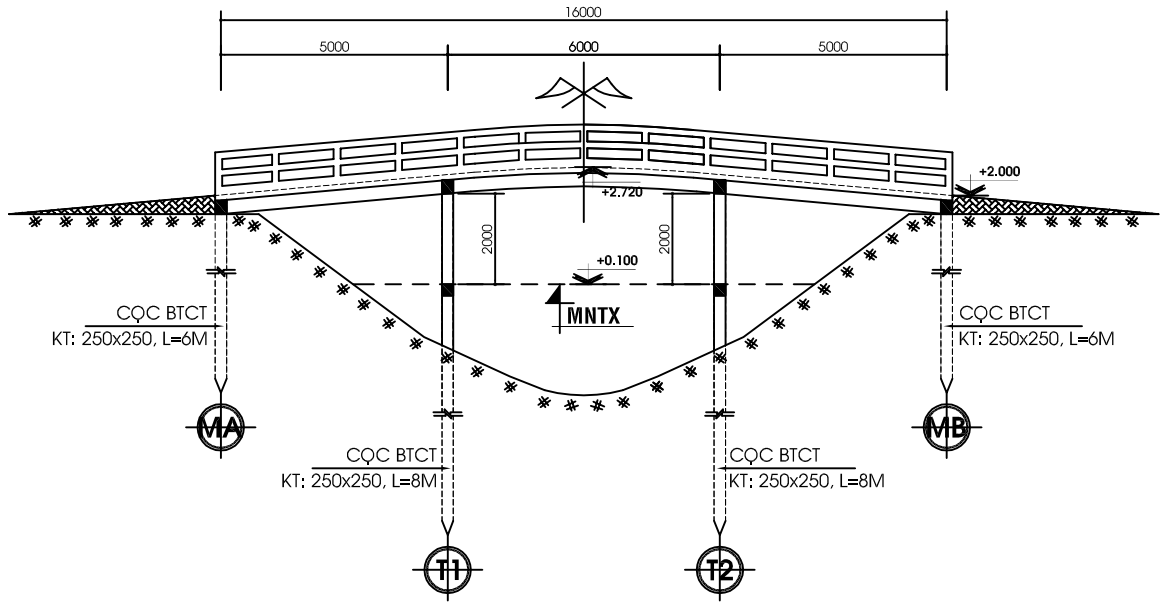

MẶT BẰNG CẦU

TL: 1/100

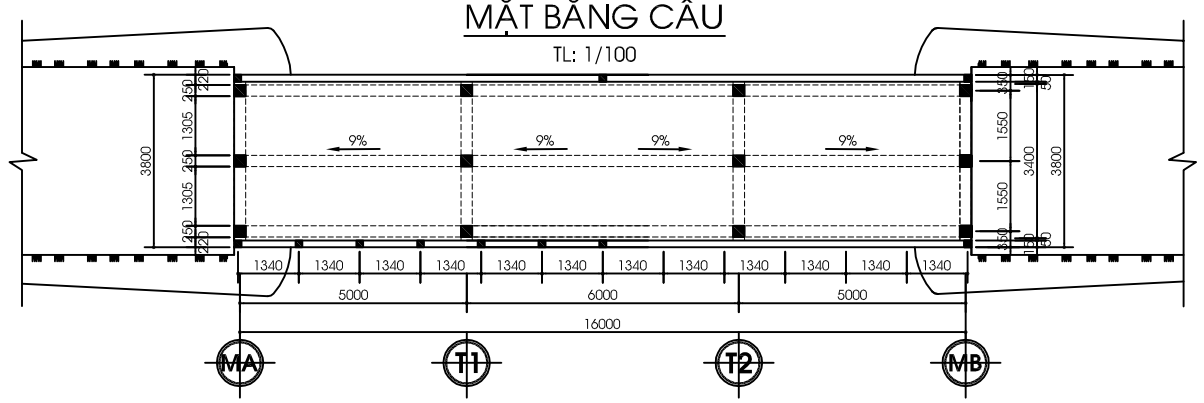

06 CỌC T1,T2: L= 8,00M

TL: 1/20

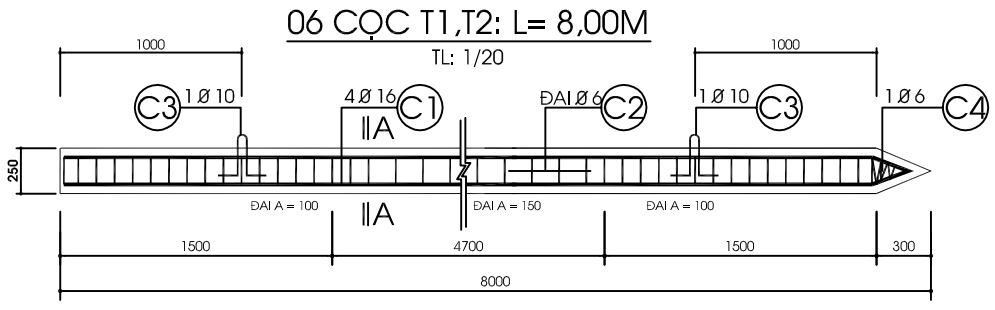

06 CỌC MA&MB: L= 6,00M

TL: 1/20

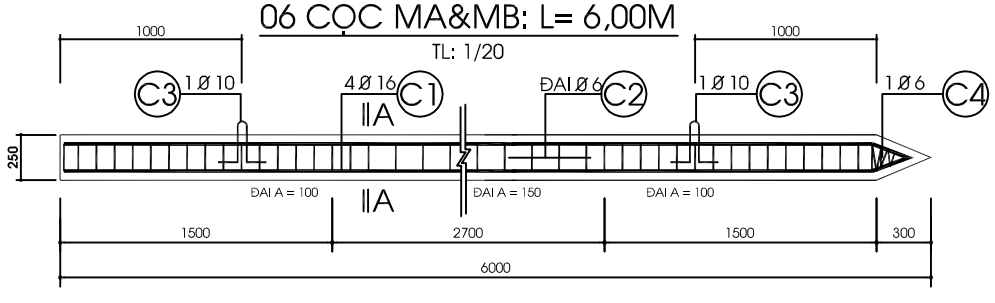

CẮT : A-A

TL: 1/20

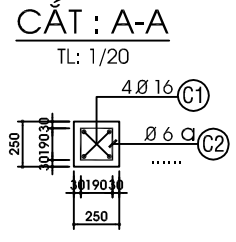

TRẮC NGANG MẪU

TL: 1/20

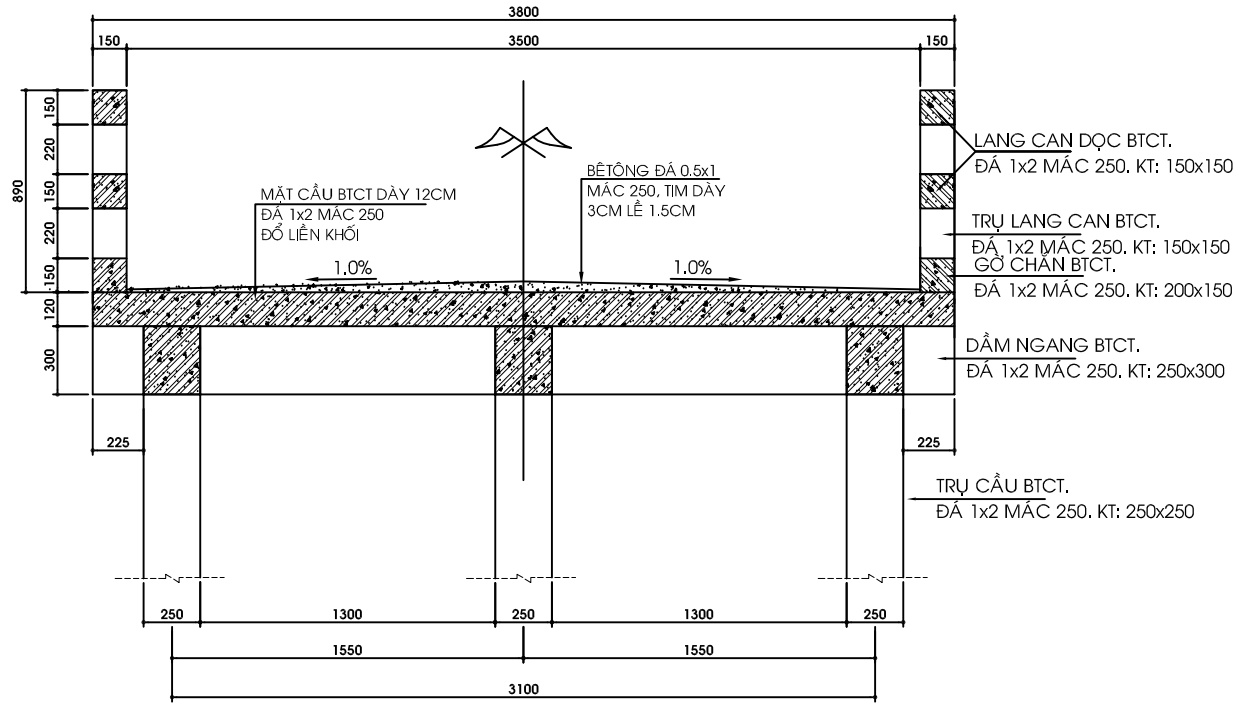

CHI TIẾT LAN CAN, GỜ CHẮN BTCT

TL: 1/25

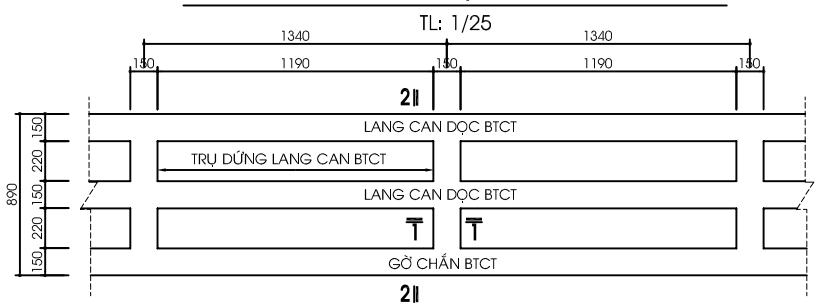

CẮT -: 1-1

TL: 1/20

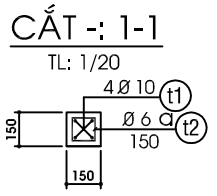

CẮT -: 2-2

TL: 1/20

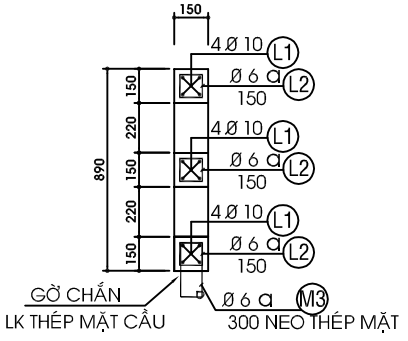

GHI CHÚ:

- TOÀN BỘ CỌC - TRỤ - DẦM - MẶT CẦU SỬ DỤNG BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2 MÁC 250.
- LAN CAN - GỜ CHẮN SỬ DỤNG BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1x2 MÁC 250.
- ĐƯỜNG DẪN VÀO CẦU BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 MÁC 250
- THÉP TRÒN TRƠN (Φ < 10), AI : Ra $\geq$ 1900 KG/CM²
- THÉP CÓ GỜ (Φ $\geq$ 10) AII : Ra $\geq$ 2400 KG/CM²,
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MM, TRỪ TRƯỜNG HỢP GHI THẲNG KÍCH THƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG DUY ANH

HOÀNG DUY ANH

Địa chỉ:64/1 ấp Thạnh Hoà B, xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long

GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG SƠN

PHÒNG THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ		KS. NGUYỄN THÁI HÀ
KIỂM SOÁT		
THIẾT KẾ		KS. VÕ DUY HẠNH

TÊN CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG CẦU ẤP MỸ
XÃ ĐẠI ĐIỀN
TỈNH VĨNH LONG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG - MẶT ĐỨNG
TRẮC NGANG MẪU - CHI TIẾT CỌC
CHI TIẾT LAN CAN

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY HT: /2025

KH: BV 01/03

MẶT BẰNG THÉP SÀN MẶT CẦU
TL: 1/50

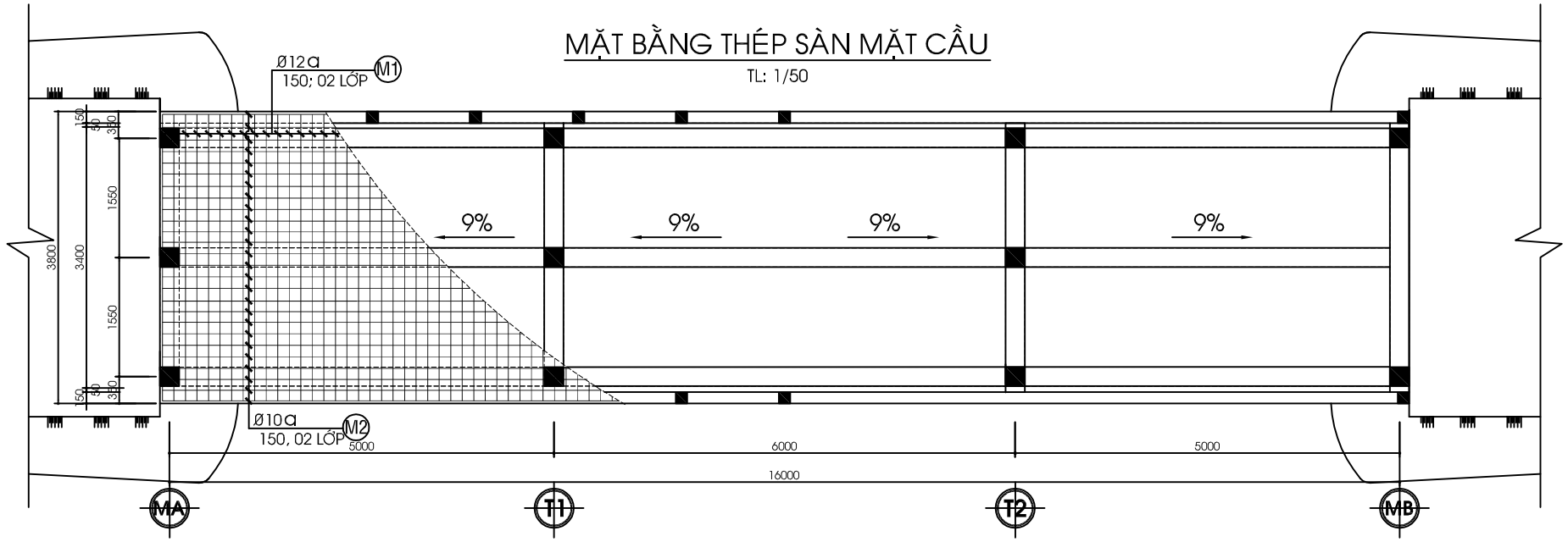

MC. DẦM DỌC (DD1)
TL: 1/20

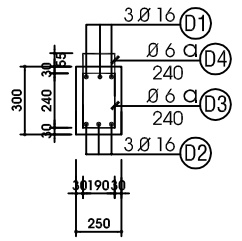

MC. DẦM NGANG (DN1)
TL: 1/20

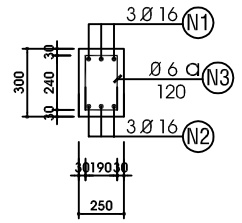

MẶT BẰNG DẦM DỌC - DẦM NGANG
TL: 1/100

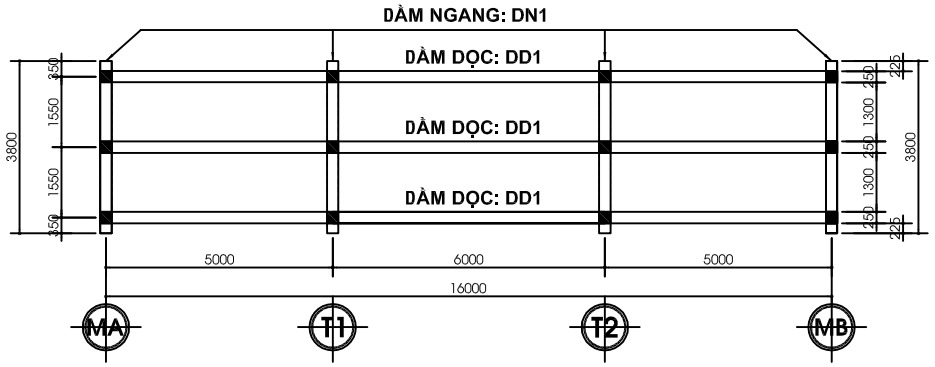

CẮT : 2-2
TL: 1/20

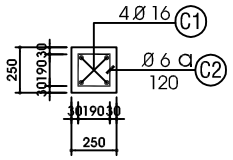

CHI TIẾT THÉP KHUNG: T1&T2
TL: 1/20

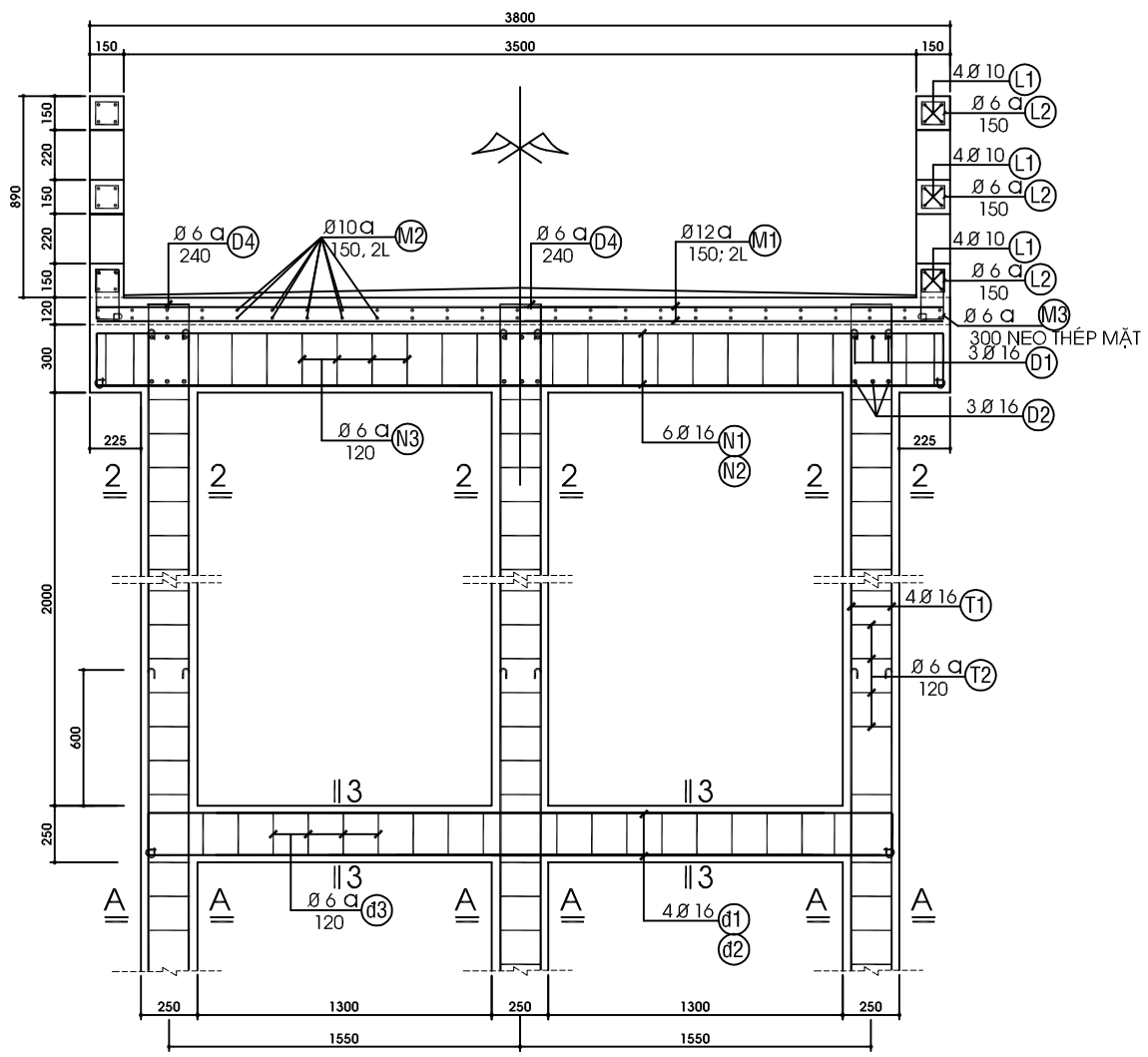

CHI TIẾT THÉP KHUNG: MA&MB
TL: 1/20

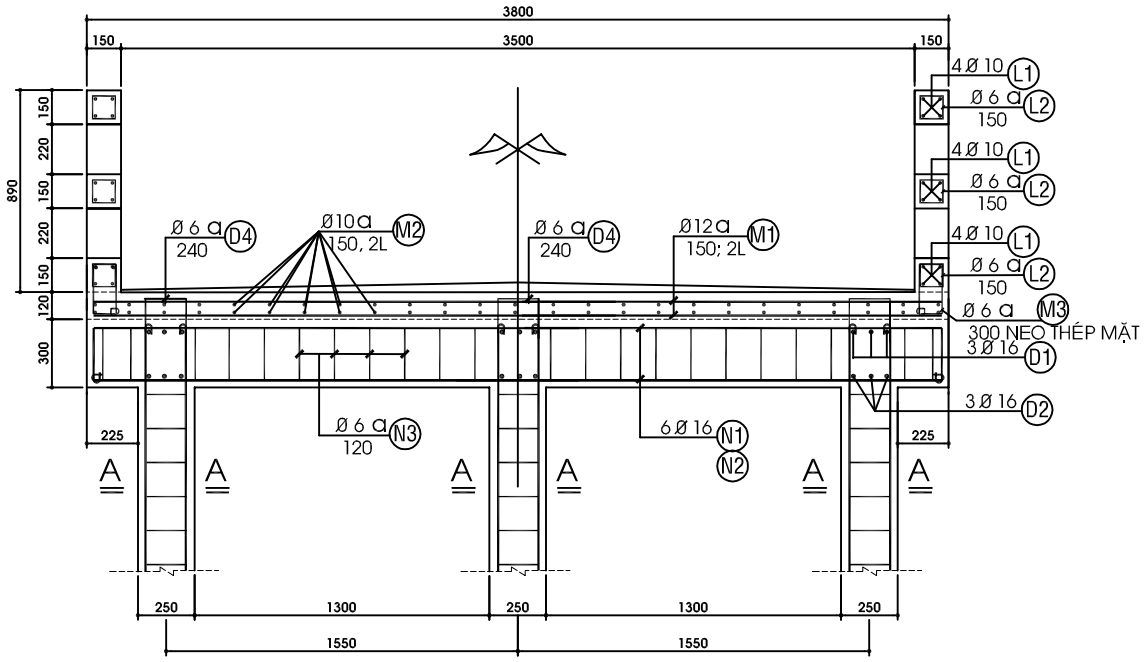

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
HOÀNG DUY ANH

HOÀNG DUY ANH

Địa chỉ:64/1 ấp Thạnh Hoà B,
xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long

GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG SƠN

PHÒNG THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ		KS. NGUYỄN THÁI HÀ
KIỂM SOÁT		
THIẾT KẾ		KS. VÕ DUY HẠNH

TÊN CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG CẦU ẤP MỸ
XÃ ĐẠI ĐIỀN
TỈNH VĨNH LONG

TÊN BẢN VẼ

MB. DẦM - MB. THÉP MẶT CẦU
CHI TIẾT THÉP KHUNG
CHI TIẾT THÉP DẦM

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY HT: /2025

KH: BV 02/03

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Cọc MA-MB Số lượng: 6	C1	250 5700	16	5950	4	24	142.8	225.39
	C2	190 190 50	6	860	56	336	288.96	64.14
	C3	100 220 200 / 220 200	10	1154	2	12	13.848	8.54
	C4	1500	6	1500	1	6	9	2.00
Cọc T1,T2 Số lượng: 6	C1	250 7700	16	7950	4	24	190.8	301.15
	C2	190 190 50	6	860	46	276	237.36	52.68
	C3	100 220 200 / 220 200	10	1154	2	12	13.848	8.54
	C4	1500	6	1500	1	6	9	2.00

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 120.82 kg; Chiều dài = 544.32 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 17.08 kg; Chiều dài = 27.7 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 526.54 kg; Chiều dài = 333.6 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Trụ nối T1,T2 Số lượng: 6	T1	2350	16	2350	4	24	56.4	89.02
	T2	190 190 50	6	860	18	108	92.88	20.62

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 20.62 kg; Chiều dài = 92.88 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 89.02 kg; Chiều dài = 56.4 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Mat cau Số lượng: 1	M1	3750	12	3750	224	224	840	745.76
	M2	100 16400 100	10	16900	52	52	878.8	541.81
	M3	100 230 100	6	860	110	110	94.6	21.00

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 21 kg; Chiều dài = 94.6 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 541.81 kg; Chiều dài = 878.8 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 745.76 kg; Chiều dài = 840 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Đà nước Số lượng: 2	đ1	190 3300 190	16	3680	2	4	14.72	23.23
	đ2	3300	16	3300	2	4	13.2	20.83
	đ3	190 190 50	6	860	28	56	48.16	10.69
Dầm dọc DD1 Số lượng: 3	D1	240 16400 240	16	17360	3	9	156.24	246.60
	D2	16400	16	16880	3	9	151.92	239.78
	D3	190 240 50	6	960	69	207	198.72	44.11
	D4	190 340 50	6	1160	69	207	240.12	53.30
Dầm ngang DN1 Số lượng: 4	N1	240 3750 240	16	4230	3	12	50.76	80.12
	N2	3750	16	3750	3	12	45	71.03
	N3	140 190 140	6	940	32	128	120.32	26.71

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 134.81 kg; Chiều dài = 607.32 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ16 = 681.59 kg; Chiều dài = 431.84 mét

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
Lan can GC Số lượng: 6	L1	100 16400 100	10	16900	4	24	405.6	250.07
	L2	100 100 50	6	500	110	660	330	73.24
Trụ LC Số lượng: 26	t1	200 840	10	1040	4	104	108.16	66.68
	t2	100 100 50	6	500	6	156	78	17.31

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 90.55 kg; Chiều dài = 408 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 316.75 kg; Chiều dài = 513.76 mét

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
HOÀNG DUY ANH

HOÀNG DUY ANH

Địa chỉ:64/1 ấp Thạnh Hoà B,
xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long

GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG SƠN

PHÒNG THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ		KS. NGUYỄN THÁI HÀ
KIỂM SOÁT		
THIẾT KẾ		KS. VÕ DUY HẠNH

TÊN CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG CẦU ẤP MỸ
XÃ ĐẠI ĐIỀN
TỈNH VĨNH LONG

TÊN BẢN VẼ

THỐNG KÊ THÉP

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY HT: /2025

KH: BV 03/03